

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận xã Thuận An, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội và địa phận phường Từ Sơn, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án: Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về thủ đô Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã Phù Đổng)

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiền độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích trong chỉ giới (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi nốt (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
1	1	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Nghĩa (Giáp)	Thôn 6, xã Phù Đổng	569.38	250.72	-	318.66	38,861,600	0	194,308,000				2,507,200	235,676,800	
2	2	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Huân (đạt) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Huân (đạt)	Thôn 6, xã Phù Đổng	976.00	976.00	-	0.00	151,280,000	0	756,400,000				9,760,000	917,440,000	
3	4	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Đại (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lý Duy Đại	Thôn 6, xã Phù Đổng	569.38	14.47	-	554.91	2,242,850	0	11,214,250				144,700	13,601,800	
4	5	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Ánh (bác) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Ánh (bác)	Thôn 6, xã Phù Đổng	406.70	406.70	-	0.00	63,038,500	0	315,192,500				4,067,000	382,298,000	
5	6	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hào (đồng)	Thôn 6, xã Phù Đổng	488.04	488.04	-	0.00	75,646,200	0	378,231,000				4,880,400	458,757,600	
6	7	Hộ gia đình ông (bà) Đỗ Văn Bình (chi)	Thôn 6, xã Phù Đổng	325.30	325.30	-	0.00	50,421,500	0	252,107,500				3,253,000	305,782,000	
7	8	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Hậu (tinh) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Ngọc Hậu (tinh)	Thôn 6, xã Phù Đổng	813.40	813.40	-	0.00	126,077,000	0	630,385,000				8,134,000	764,596,000	
8	9	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Hoat (Bột) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Bá Hoat (Bột)	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,057.42	1,057.42	-	0.00	163,900,100	0	819,500,500				10,000,000	993,400,600	
9	10	Hộ gia đình ông (bà) Đỗ Văn Quế	Thôn 6, xã Phù Đổng	406.70	406.70	-	0.00	63,038,500	0	315,192,500				4,067,000	382,298,000	
10	11	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Quang Sơn	Thôn 6, xã Phù Đổng	488.04	488.04	-	0.00	75,646,200	0	378,231,000				4,880,400	458,757,600	
11	12	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hiền (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Hiền	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,057.42	1,057.42	-	0.00	163,900,100	0	819,500,500				10,000,000	993,400,600	
12	13	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Bình (hà)	Thôn 6, xã Phù Đổng	244.02	233.24	10.78	0.00	37,823,100	0	189,115,500				2,440,200	229,378,800	
13	14	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Lan	Thôn 6, xã Phù Đổng	325.30	325.30	-	0.00	50,421,500	0	252,107,500				3,253,000	305,782,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
14	15	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Lâm (kiếm)	Thôn 6, xã Phù Đổng	488.04	488.04	-	0.00	75,646,200	0	378,231,000				4,880,400	458,757,600	
15	16	Hộ gia đình ông (bà) Đỗ Vinh Ngọc	Thôn 6, xã Phù Đổng	488.04	488.04	-	0.00	75,646,200	0	378,231,000				4,880,400	458,757,600	
16	17	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Trọng Mùi (khanh)	Thôn 6, xã Phù Đổng	488.04	488.04	-	0.00	75,646,200	0	378,231,000				4,880,400	458,757,600	
17	20	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Lâm (thu)	Thôn 6, xã Phù Đổng	488.04	175.76	-	312.28	27,242,800	0	136,214,000				1,757,600	165,214,400	
18	21	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hùng (Phúc)	Thôn 6, xã Phù Đổng	325.30	325.30	-	0.00	50,421,500	0	252,107,500				3,253,000	305,782,000	
19	22	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Huân	Thôn 6, xã Phù Đổng	406.70	406.70	-	0.00	63,038,500	0	315,192,500				4,067,000	382,298,000	
20	23	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Liên (thin)	Thôn 6, xã Phù Đổng	568.38	568.38	-	0.00	88,098,900	0	440,494,500				5,683,800	534,277,200	
21	25	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Công	Thôn 6, xã Phù Đổng	813.40	813.40	-	0.00	126,077,000	0	630,385,000				8,134,000	764,596,000	
22	1204	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Đò(minh) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lý Duy Đò(minh)	Thôn 6, xã Phù Đổng	264.90	264.90	-	0.00	41,059,500	0	205,297,500				2,649,000	249,006,000	
23	1205	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đăng Tinh	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,872.00	73.51	-	1,798.49	11,394,050	0	56,970,250				735,100	69,099,400	
24	1206	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Chắt(thu)	Thôn 6, xã Phù Đổng	832.00	219.07	-	612.93	33,955,850	0	169,779,250				2,190,700	205,925,800	
25	1207	Hộ gia đình ông (bà) Phạm Văn Được	Thôn 6, xã Phù Đổng	143.80	143.80	-	0.00	22,289,000	0	111,445,000				1,438,000	135,172,000	
26	1208	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Khanh(tuần)	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,040.00	499.72	-	540.28	77,456,600	0	387,283,000				4,997,200	469,736,800	
27	1209	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Lại	Thôn 6, xã Phù Đổng	571.40	356.06	-	215.34	55,189,300	0	275,946,500				3,560,600	334,696,400	
28	1213	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Minh Trang(thuần)	Thôn 6, xã Phù Đổng	654.30	592.25	-	62.05	91,798,750	0	458,993,750				5,922,500	556,715,000	
29	1214	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thìn (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Văn Thìn	Thôn 6, xã Phù Đổng	298.30	298.30	-	0.00	46,236,500	0	231,182,500				2,983,000	280,402,000	
30	1215	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đăng Hữu	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,248.00	944.75	-	303.25	146,436,250	0	732,181,250				9,447,500	888,065,000	
31	1217	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Đình Thành(sâm) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lâm Đình Thành(sâm)	Thôn 6, xã Phù Đổng	147.30	147.30	-	0.00	22,831,500	0	114,157,500				1,473,000	138,462,000	
32	1218	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Hồng (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lý Duy Hồng	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,872.00	61.72	-	1,810.28	9,566,600	0	47,833,000				617,200	58,016,800	
33	1219	Bà Nguyễn Thị Huệ (Thành)	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,031.00	351.21	-	679.79	54,437,550	0	272,187,750				3,512,100	330,137,400	
34	1220	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Mĩ	Thôn 6, xã Phù Đổng	862.30	469.54	-	392.76	72,778,700	0	363,893,500				4,695,400	441,367,600	
35	1224	Ông Nguyễn Ngọc Phát	Thôn 6, xã Phù Đổng	573.50	437.86	-	135.64	67,868,300	0	339,341,500				4,378,600	411,588,400	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thương tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
36	1225	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Ngọc Hiếu(thăm)	Thôn 6, xã Phù Đổng	278.90	269.88	9.02	0.00	43,229,500	0	216,147,500				2,789,000	262,166,000	
37	1226	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Mùi(ngô)	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,214.80	635.23	-	579.57	98,460,650	0	492,303,250				6,352,300	597,116,200	
38	1230	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Triệu	Thôn 6, xã Phù Đổng	247.20	247.20	-	0.00	38,316,000	0	191,580,000				2,472,000	232,368,000	
39	1233	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Huy Sứ	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,248.00	336.30	-	911.70	52,126,500	0	260,632,500				3,363,000	316,122,000	
40	1234	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thọ	Thôn 6, xã Phù Đổng	1,248.00	15.50	-	1,232.50	2,402,500	0	12,012,500				155,000	14,570,000	
<b>Tổng</b>				<b>27,440.74</b>	<b>16,960.51</b>	<b>19.80</b>	<b>10,460.43</b>	<b>2,631,948,050</b>	<b>0</b>	<b>13,159,740,250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>168,654,700</b>	<b>15,960,343,000</b>	